

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lê Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	475.440.698	(307.772.776)	484.872.218	-
Tạm ứng	137.667.922	-	147.099.442	-
Phải thu ngắn hạn khác	337.772.776	(307.772.776)	337.772.776	-
Ông Nguyễn Đắc Kiên	208.259.645	(208.259.645)	208.259.645	-
Các đối tượng khác	129.513.131	(99.513.131)	129.513.131	-
Cộng	475.440.698	(307.772.776)	484.872.218	-

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý	3.188.013.102	3.188.013.102
Cộng	3.188.013.102	3.188.013.102

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.655.601	-	70.812.627	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	1.173.789.946	-
Thành phẩm	81.333.171	-	87.040.026	-
Cộng	107.988.772	-	1.331.642.599	-

7. Chi phí trả trước**a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.223.019	168.828.386
Cộng	29.223.019	168.828.386

b, Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất	6.177.709.782	6.368.618.425
Các chi phí trả trước dài hạn khác	25.297.619	69.566.092
Cộng	6.203.007.401	6.438.184.517

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	11.510.206.167	2.862.321.731	235.305.979	14.607.833.877
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.862.321.731)	-	(2.862.321.731)
Số cuối năm	11.510.206.167	-	235.305.979	11.745.512.146
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	385.253.792	-	235.305.979	620.559.771
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	6.560.711.796	2.836.164.752	235.305.979	9.632.182.527
Khấu hao trong năm	612.508.090	2.923.473	-	615.431.563
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.839.088.225)	-	(2.839.088.225)
Số cuối năm	7.173.219.886	-	235.305.979	7.408.525.865
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	4.949.494.371	26.156.979	-	4.975.651.350
Số cuối năm	4.336.986.281	-	-	4.336.986.281

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và thiết kế nhận diện thương hiệu đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 79.500.000 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Thanh lý trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	171.428.571	-	(171.428.571)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	350.635.847	-	(350.635.847)	-
<i>Phí dự án KCN và Chế xuất Hà Nội</i>	<i>350.635.847</i>	<i>-</i>	<i>(350.635.847)</i>	<i>-</i>
Cộng	522.064.418	-	(522.064.418)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan	3.092.429.322	3.092.429.322	5.230.176.360	5.230.176.360
Tổng Công ty thương mại Hà Nội - TTKD Miễn Thuế	2.055.782.703	2.055.782.703	2.174.146.338	2.174.146.338
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	574.262.785	574.262.785	574.262.785	574.262.785
Phải trả các nhà cung cấp khác	997.285.027	997.285.027	997.285.027	997.285.027
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Saturn	295.446.525	295.446.525	295.446.525	295.446.525
Các nhà cung cấp khác	701.838.502	701.838.502	701.838.502	701.838.502
Cộng	4.089.714.349	4.089.714.349	6.227.461.387	6.227.461.387

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	361.808.923	361.808.923
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	361.808.923	361.808.923
Trả trước của các khách hàng khác	630.558.472	630.558.472
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hapro Đà Nẵng	581.664.624	581.664.624
Các khách hàng khác	48.893.848	48.893.848
Cộng	992.367.395	992.367.395

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.336.728	-	320.568.355	(275.740.815)	56.164.268
Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.567.759	-	3.583.056	(15.567.759)	3.583.056
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.129.190	12.990.659	-	4.861.469
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	26.904.487	8.129.190	340.142.070	(294.308.574)	64.608.793

Thuế phải thu được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả khác**a, Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.748.092.261	1.753.170.341
Kinh phí công đoàn	60.663.106	60.663.106
Bảo hiểm xã hội	168.455.903	172.502.498
Bảo hiểm y tế	34.720.501	35.434.606
Bảo hiểm thất nghiệp	58.294.959	58.612.339
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.425.957.792	1.425.957.792
Bảo hiểm xã hội huyện Gia Lâm	294.600	294.600
Phải trả về góp vốn (*)	1.385.000.000	1.385.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	40.663.192	40.663.192
Cộng	1.748.092.261	1.753.170.341

(*) Khoản phải trả các cổ đông về khoản tiền Công ty đã thu để tăng vốn theo dự kiến nhưng chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn.

b, Các khoản phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	281.260.000	110.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	281.260.000	110.000.000
Cộng	281.260.000	110.000.000

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	800.000.000	800.000.000
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	-	-	800.000.000	800.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Bình Minh Việt (1)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân (2)	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000

(1) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Bình Minh Việt theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/HĐVV-2014 ngày 02/01/2014 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 01/04/2020, thời hạn vay 12 tháng, số tiền vay ban đầu là 300.000.000 VND; lãi suất vay được đàm phán sau khi kết thúc hợp đồng; mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến ngày 31/3/2024, khoản vay đã quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Khoản vay bà Nguyễn Thị Hồng Vân theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 03/HĐVV/2013 ngày 18/12/2013 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 15/03/2020, thời hạn vay 12 tháng, số tiền vay ban đầu là 100.000.000 VND; lãi suất vay được đàm phán sau khi kết thúc hợp đồng; mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến ngày 31/3/2024, khoản vay đã quá hạn thanh toán.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn các tổ chức khác là bên liên quan	800.000.000	-	(800.000.000)	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	300.000.000	-	-	300.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	100.000.000	-	-	100.000.000
Cộng	1.200.000.000	-	(800.000.000)	400.000.000

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	32.978.600.000	(25.659.637.922)	7.318.962.078
Lợi nhuận trong năm trước	-	(358.064.818)	(358.064.818)
Số dư cuối năm trước	32.978.600.000	(26.017.702.740)	6.960.897.260
Số dư đầu năm nay	32.978.600.000	(26.017.702.740)	6.960.897.260
Lợi nhuận trong năm nay	-	(108.294.424)	(108.294.424)
Số dư cuối năm nay	32.978.600.000	(26.125.997.164)	6.852.602.836

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	18.000.000.000	54,58%	18.000.000.000	54,58%
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	1.000.000.000	3,03%	1.000.000.000	3,03%
Các Cổ đông khác	13.978.600.000	42,39%	13.978.600.000	42,39%
Cộng	32.978.600.000	100,00%	32.978.600.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**c, Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.297.860	3.297.860
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	3.297.860	3.297.860
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.297.860	3.297.860
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.297.860	3.297.860
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.297.860	3.297.860
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	330.528.248	23.950.402
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.010.436.364	1.031.225.453
Cộng	<u>2.340.964.612</u>	<u>1.055.175.855</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.223.653.814	21.433.325
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	617.594.059	632.464.314
Cộng	<u>1.841.247.873</u>	<u>653.897.639</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	24.165.824	7.553.120
Cộng	<u>24.165.824</u>	<u>7.553.120</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.116.172	48.081.640
Cộng	<u>5.116.172</u>	<u>48.081.640</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	252.969.575	261.416.440
Dự phòng phải thu khó đòi	307.772.776	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.687.279	121.924.869
Các chi phí khác	426.333.261	332.473.205
Cộng	<u>1.107.762.891</u>	<u>718.814.514</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	480.702.076	-
Cộng	<u>480.702.076</u>	<u>-</u>

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(108.294.424)	(358.064.818)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(108.294.424)	(358.064.818)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(108.294.424)	(358.064.818)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(108.294.424)	(358.064.818)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.297.860	3.297.860
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(32,84)</u>	<u>(108,57)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.297.860	3.297.860
Ảnh hưởng tăng vốn do phát hành cổ phiếu	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>3.297.860</u>	<u>3.297.860</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	252.969.575	261.416.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	615.431.563	630.301.818
Chi phí dự phòng	307.772.776	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.687.279	121.924.869
Chi phí khác	431.495.757	337.635.701
Cộng	<u>1.725.356.950</u>	<u>1.351.278.828</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong năm, Công ty không phát sinh công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	-	-

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - TTKD Siêu thị Hapromart	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty thương mại Hà Nội - TTKD Miễn Thuế	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội tại Hải Dương	Chi nhánh của công ty cùng chủ sở hữu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội tại Quảng Ninh	Chi nhánh của công ty cùng chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP		
Phải thu tiền bán hàng	10.004.993	26.140.923
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	42.860.430	86.860.426
Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	2.028.600.000	-
Phải trả tiền lãi vay	5.116.172	43.999.996
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	38.760.005	-
Trả tiền vay	800.000.000	-
Tổng Công ty thương mại Hà Nội - TTKD Miễn Thuế		
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	118.363.635	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2; V.11, V.12, V.15./.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty đã thanh lý toàn bộ tài sản dây truyền máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cho thuê hạ tầng và hợp tác kinh doanh trên đất hợp pháp tại địa điểm lô B5A Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, Gia Lâm, Hà Nội. Các yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đang có kế hoạch cải thiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tiếp theo.

Do vậy, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

3. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính .

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng Cân đối Kế toán được điều chỉnh lại như sau, cụ thể:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu theo		Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
	Mã số	BCTC đã kiểm toán năm trước		
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.562.893.364	(5.394.064.978)	168.828.386
Chi phí trả trước dài hạn	261	7.869.656.690	(1.431.472.173)	6.438.184.517
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(19.192.165.589)	(6.825.537.151)	(26.017.702.740)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>(18.834.100.771)</i>	<i>(6.825.537.151)</i>	<i>(25.659.637.922)</i>

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Lập ngày 31 tháng 05 năm 2024

Giám đốc

Đoàn Thị Kim Vân

Đoàn Thị Kim Vân

Đinh Tiến Thành